

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2024/DS-PT

Ngày: 15/11/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay

tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Thúy Nga;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Hoàng N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số B, đường T, Khóm A, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Võ Tuấn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số I, đường P, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024. (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Võ Bạch K, sinh ngày 04/12/1962. Địa chỉ: Số A, đường số H, khu đô thị E, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh D, Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Địa chỉ: Số A, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo: Bà Võ Bạch K là bị đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2024 và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Võ Tuấn H trình bày:*

Ông Võ Hoàng N cho bà Võ Bạch K vay các khoản tiền: Lần 1, bà K vay 150.000.000 đồng làm biên nhận vào ngày 17/04/2023; lần 2 vay 200.000.000 đồng có làm biên nhận nhưng không đề ngày và lần 3 vay 60.000.000 đồng vào tháng 07/2023 không có biên nhận. Bà K vay tiền lo cho con gái bên nước Úc. Vì bà con nên ông N cho bà K vay đến tháng 01/2024, bà K đi thăm con từ nước Úc về Việt Nam thì ông N có nhắc lại số tiền gốc và khoản tiền lãi mà bà phải trả, nhưng bà K không trả số tiền gốc cho ông N mà chỉ trả 06 tháng tiền lãi, tổng cộng số tiền lãi là 98.400.000 đồng. Ông N yêu cầu bà K trả lại số tiền vay 410.000.000 đồng, bà K hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ.

Ông N đã liên hệ với bà K để thỏa thuận chốt lại một lần về số tiền cũng như thời gian cụ thể để trả xong số tiền trên đến ngày 27/05/2024 sẽ trả số tiền 150.000.000 đồng, rồi 02 tuần sau trả tiếp 200.000.000 đồng và 02 tuần sau nữa trả 60.000.000 đồng, ông N yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi thì bà K đồng ý, nhưng bà K không thực hiện.

Nay ông Võ Hoàng N yêu cầu bà Võ Bạch K phải trả cho ông tổng cộng 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) và không có yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Võ Bạch K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Khoản vay 150.000.000 đồng theo biên nhận vào ngày 17/04/2023, bà thừa nhận có vay của ông N và bà K là người viết biên nhận ngày 17/04/2023, nhưng bà đã trực tiếp trả cho ông N 150.000.000 đồng vào ngày 22/3/2024, việc trả tiền không có làm biên nhận, không có người chứng kiến, đồng thời bà có yêu cầu ông N hủy bỏ biên nhận ngày 17/04/2023, nên bà không đồng ý trả khoản tiền này.

Khoản vay 200.000.000 đồng, bà thừa nhận có vay, nhưng vay nhiều lần sau đó bà mới viết biên nhận số tiền 200.000.000 đồng nên không thể hiện ngày, tháng, năm. Bà đồng ý trả cho ông N số tiền 200.000.000 đồng.

Khoản vay 60.000.000 đồng bà không có vay của ông N, nên bà không đồng ý trả số tiền này.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 29/4/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng N.

Buộc bà Võ Bạch K có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng N số tiền gốc 350.000.000 đồng (trong đó 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/04/2023 và 200.000.000 đồng theo biên nhận nhưng không đề ngày).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng N buộc bà Võ Bạch K trả số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Bạch K phải chịu 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Võ Hoàng N phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001811 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trả lại cho ông N số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 28 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Võ Bạch K kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng khấu trừ các khoản đã trả cho ông N mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, cụ thể:

Số tiền vay của ông N nhiều lần từ tháng 9/2019 với tổng số tiền 350.000.000 đồng, bà đã đóng lãi cho ông N đến nay là 390.000.000 đồng (có sổ và nộp kèm đơn kháng cáo), không làm biên nhận.

Đến ngày 17/4/2023, ông N tổng kết nợ và bà đã ghi cho ông N 02 tờ biên nhận, một tờ 150.000.000 đồng và một tờ 200.000.000 đồng.

Đến 21/3/2024, bà có vay tiền của ngân hàng L1 Chi nhánh S để trả cho ông nam 150.000.000 đồng (có Hợp đồng tín dụng và phiếu giải ngân kèm theo). Tuy nhiên cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá chứng cứ và lời trình bày của bà.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

\* Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo: Do tại phiên tòa phát sinh tình tiết mới và được các bên thừa nhận là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày số tiền 98.400.000 đồng là tiền lãi mà bị đơn Võ Bạch K đã đóng cho ông Võ Hoàng N, lãi suất vay 4%/tháng, nguyên đơn yêu cầu tính kể từ ngày ghi trong biên nhận đến 06 tháng và không yêu cầu tính lãi thêm và việc tính lãi suất 4%/tháng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng số tiền lãi vượt quá quy định sẽ được khấu trừ vào phần vốn vay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 410.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn thống nhất với bản án sơ thẩm và không kháng cáo, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi suất, do vậy yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên buộc bà Võ Bạch K có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng N số tiền gốc 350.000.000 đồng (trong đó 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/04/2023 và 200.000.000 đồng theo

biên nhận nhưng không đề ngày). Không đồng ý với việc Tòa án buộc trả số tiền 150.000.000 đồng nên bà Võ Bạch K kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Bạch K không đồng ý trả cho ông Võ Hoàng N số tiền vay 150.000.000 đồng do bà đã trả xong. Nhận thấy: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà K thừa nhận có làm biên nhận vay của ông N số tiền 150.000.000 đồng và biên nhận vay số tiền 200.000.000 đồng, các biên nhận lập cùng ngày 17/04/2023 và bà K thừa nhận biên nhận do bà K tự viết, chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận do ông N giao nộp cho Tòa án là của bà K. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà K cho rằng 21/3/2024 bà có vay tiền của Ngân hàng L1 Chi nhánh S và sau đó vào ngày 22/3/2024 bà đã trả đủ 150.000.000 đồng cho ông N, nhưng bà K không đưa ra được chứng cứ hay người làm chứng chứng minh đã trả nợ cho ông N số tiền trên, trong khi Biên nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng ông N vẫn đang giữ và ông N không thừa nhận việc bà K đã trả số tiền này cho ông. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà K trả cho ông N số tiền vay 150.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo này của bị đơn K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bà K yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền lãi đã đóng cho ông N. Xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà K đã trả cho ông Võ Hoàng N tổng số tiền lãi của 06 tháng tính từ ngày bà K viết Biên nhận nợ là ngày 17/4/2023 với lãi suất 4%/tháng trên số tiền vốn 410.000.000 đồng = 98.400.000 đồng nên ông N không yêu cầu tính lãi nữa, chỉ tính trên 06 tháng nêu trên. Còn bà K cho rằng đã trả cho ông N số tiền lãi 390.000.000 đồng từ năm 2019 cho đến khi viết biên nhận ngày 17/4/2023 nhưng bà không có chứng cứ chứng minh trong khi ông N chỉ thừa nhận tiền lãi bà đã trả là 98.400.000 đồng.

[4.2] Thấy rằng, bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Võ Bạch K trả tiền vốn gốc là 350.000.000 đồng và việc nguyên đơn thỏa thuận lãi suất 4%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (lãi suất thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm (1,66%/tháng)). Do vậy, phần lãi suất này sẽ được xem xét lại, số tiền lãi bà K trả vượt quá quy định sẽ xem xét trừ vào phần vốn, cụ thể:

Số tiền bà K đã trả cho ông N trong 06 tháng:

$350.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 34.860.000 \text{ đồng}.$

Số tiền chênh lệch thừa bà K đã trả cho ông N:  $98.400.000 \text{ đồng} - 34.860.000 \text{ đồng} = 63.540.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, số tiền vốn vay bà K còn phải trả cho ông N là 350.000.000 đồng – 63.540.000 đồng = 286.460.000 đồng.

[5] Kháng cáo xin xem xét khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định sẽ được trừ vào tiền vốn vay mà bị đơn đã vay của ông N là có căn cứ chấp nhận một phần.

[6] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Do phần kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, đồng thời quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà K không có đơn xin miễn án phí, tuy nhiên quá trình nộp đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Bạch K có đơn xin miễn án phí do bà là người cao tuổi, nên phần án phí dân sự sơ thẩm cũng được sửa lại cho phù hợp. Cụ thể:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy bà Võ Bạch K sinh năm 1962, bà đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Ông Võ Hoàng N phải chịu án phí 5% đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể: (Vốn 60.000.000 đồng + lãi 63.540.000 đồng) x 5% = 6.177.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Bạch K không phải chịu theo quy định theo khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Võ Bạch K. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 và khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 29/4/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng N.

Buộc bà Võ Bạch K có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng N số tiền gốc 286.460.000 đồng (*hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng N buộc bà Võ Bạch K trả số tiền vốn 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi 63.540.000 đồng (*sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Bạch K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Hoàng N phải chịu 6.177.000 đồng (*sáu triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 đồng (*mười triệu hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001811 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trả lại cho ông N số tiền 4.023.000 đồng (*bốn triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng*).

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Bạch K không phải chịu.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**Tăng Thị Thúy Nga**